

HOÀN THIỆN CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CHO GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH TỰ CHỦ HIỆN NAY: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP CỦA ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Đặng Thị Lệ Xuân*

Ngày nhận: 2/10/2015

Ngày nhận bản sửa: 23/10/2015

Ngày duyệt đăng: 25/2/2016

Tóm tắt:

Cơ chế tài chính vốn được coi là cốt lõi của mọi tổ chức, đặc biệt là với các trường đại học. Cách thức thu hay chi của cơ chế này ảnh hưởng lớn đến cả 3 chủ đề cơ bản của giáo dục đại học hiện đại là: “Chất lượng, công bằng xã hội và hiệu quả”. Trong cơ chế tự chủ đại học hiện nay, tự chủ tài chính là mối quan tâm lớn nhất của các trường, nó vừa là cơ hội nhưng cũng có thể là gánh nặng hoặc phản tác dụng nếu như các chính sách tài chính không được thực hiện đồng bộ. Trong phạm vi có hạn, bài viết sẽ phân tích cơ chế tài chính cho các trường đại học tự chủ hiện nay (nghiên cứu trường hợp cụ thể của Đại học Kinh tế quốc dân), các vấn đề lý luận và thực tiễn của chính sách này để từ đó gợi ý một số giải pháp để tự chủ đại học được thực hiện một cách thành công, để tự chủ tài chính thực sự là động lực cho sự phát triển của các trường đại học.

Từ khóa: tài chính, tự chủ, tự chủ tài chính, đại học, giáo dục, giáo dục đại học

Improving financial mechanism for higher education in the context of autonomy: A case study of the National Economics University

Abstract:

Financial mechanism is considered the core of all organizations, especially universities. The way of collecting and spending money of this mechanism greatly affects all three basic themes of modern higher education: "quality, social equality and efficiency". In the current autonomy mechanism of university, financial autonomy is the biggest concern of the university; it may be an opportunity but can also be a burden if fiscal policies are not synchronous. This paper analyzes the financial mechanism for autonomy of universities (the case study of the National Economics University), the theoretical issues and practices of this policy. This paper also suggests some recommendations for successful university autonomy, making financial autonomy become the motivation for the development of the university.

Keywords: Finance; autonomy; financial autonomy; university, education; higher education.

1. Đặt vấn đề

Tự chủ là xu hướng chung của giáo dục đại học trên thế giới. Mức độ tự chủ của các trường thường được xem là giá trị căn bản, là tiêu chí đánh giá sự phát triển của trường. Tự chủ đại học được thể hiện ở bốn khía cạnh: Tự chủ về tổ chức (organisational autonomy), (ii) tự chủ về tài chính (financial autonomy), (iii) tự chủ về nhân sự (staffing autonomy),

và (iv) tự chủ về học thuật (academic autonomy) (Nguyễn Minh Thuyết, 2014).

Từ đầu năm 2015, Chính phủ cho phép thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của bốn trường đại học theo hướng tự chủ trong đó tự chủ về tài chính là chủ yếu. Cơ chế tài chính cũng là vấn đề cốt lõi của giáo dục đại học bởi cách thức thu hay chi của trường sẽ ảnh hưởng tới tính công bằng, hiệu quả và

chất lượng đào tạo của trường. Tuy nhiên, trong chính sách tài chính mới của các trường tự chủ thì dường như gánh nặng tài chính vốn trước đây ngân sách nhà nước mang, lại rơi vào vai các trường và chính bản thân người học.

Thiết nghĩ, tự chủ tài chính của các trường không đồng nghĩa với cắt giảm đầu tư của Nhà nước cho giáo dục đại học hay phó mặc việc nộp học phí cho người học mà phải là chuyển cách thức phân bổ ngân sách nhà nước sang một cách khác để nguồn tài chính vốn ít ỏi này được sử dụng một cách hiệu quả. Bởi vậy, đi cùng với việc cho phép các trường tự chủ tài chính thì chính sách tài chính của Chính phủ cho giáo dục đại học nói chung hay cho các trường tự chủ nói riêng cũng cần được bổ sung, hoàn thiện để tự chủ đại học thực sự phát huy được những ưu điểm của mình.

Từ nhận thức đó, bài viết ra đời với mục tiêu gợi ý các giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế tài chính cho giáo dục đại học nói chung hay đại học tự chủ nói riêng. Những khuyến nghị đó được hình thành dựa trên cơ sở phân tích chính sách tự chủ tài chính đang áp dụng cho Đại học Kinh tế Quốc dân, phân tích cơ sở lý luận, thực tiễn của chính sách này để thấy rõ những ưu điểm cũng như những hạn chế của chính sách.

2. Một số nội dung cơ bản trong cơ chế tài chính cho giáo dục đại học tự chủ hiện nay: (Nghiên cứu trường hợp của Đại học Kinh tế Quốc dân)

Về cơ bản, cơ chế tài chính cho các trường đại học tự chủ sẽ cho phép các trường được phép tăng học phí (với mức trần cao khoảng gấp đôi so với các trường không áp dụng cơ chế tự chủ), được phép thu sự nghiệp. Nhưng bên cạnh đó, các trường tự chủ sẽ không được nhận trợ cấp từ ngân sách và phải tự đảm bảo các khoản chi thường xuyên, bao gồm cả các khoản chi cho nghiên cứu khoa học, chi đầu tư mua sắm và xây dựng cơ sở vật chất cơ bản. Mối tương quan giữa phần thu tăng thêm với nhu cầu chi tiêu và gánh nặng tài chính tăng thêm sẽ được chỉ ra và phân tích trong trường hợp của Đại học Kinh tế

Quốc dân

2.1. Chính sách học phí

Thủ tướng Chính phủ (2015) đã cho phép mức thu học phí của trường như bảng 1.

Trong khi đó, mức trần thu học phí của trường cho năm 2014-2015 khi chưa có cơ chế tự chủ là 550.000 VND/tháng, tương đương 5,5 triệu VND/năm. Như vậy, về cơ bản, mức học phí của các trường tự chủ được phép tăng gấp đôi.

2.2. Thu sự nghiệp

Thủ tướng Chính phủ (2015) cho phép Trường thực hiện các hoạt động dịch vụ và hỗ trợ đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo và phục vụ người học. Khoản thu từ các hoạt động này được công khai theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý.

Các khoản thu này gắn với các hoạt động của trường và thông thường chỉ đảm bảo đủ chi phí, chúng bao gồm 25 khoản thu, ví dụ như: cấp lại thẻ sinh viên, bằng điểm, bảo lưu kết quả học tập, chuyển điểm, sao lục văn bản; phát hành hồ sơ tuyển sinh, đăng ký dự thi, học bồi dưỡng kiến thức, học lại, thi lại, ôn thi tuyển sinh; thủ tục chuyển khóa, chuyển trường...

2.3. Chính sách miễn giảm học phí học bổng

Thủ tướng Chính phủ (2015) cũng yêu cầu:

(i) Trường hỗ trợ toàn bộ phần chênh lệch giữa mức học phí của Trường với mức học phí được miễn, giảm theo quy định của Nhà nước đối với các sinh viên thuộc đối tượng chính sách, hộ nghèo kể từ khóa tuyển sinh sau thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành.

(ii) Ngoài các đối tượng được miễn, giảm học phí theo chính sách của Nhà nước, Trường xây dựng, thực hiện chính sách học bổng, khuyến khích học tập dành cho sinh viên học tập xuất sắc và sinh viên là đối tượng chính sách.

Hiện nay, toàn bộ mức miễn giảm học phí này được nhà nước chi trả và vào khoảng 4,4 tỷ VND cho 630 sinh viên. Với mức học phí tăng gấp đôi thì

Bảng 1: Mức thu học phí theo quyết định số Thủ tướng Chính phủ (2015)

Đơn vị: Triệu đồng Việt nam (VND)/sinh viên/năm

Nội dung	Năm học		
	2014 - 2015	2015 - 2016	2016 - 2017
Mức thu học phí bình quân (của chương trình đại trà, trình độ đại học) tối đa	9,50	11,50	13,50

Nguồn: Thủ tướng Chính phủ, 2015

tổng phần chênh lệch nhà trường phải chi thêm cũng khoảng 4,4 tỷ VND/năm. Bên cạnh đó, học bổng cho sinh viên chính quy xuất sắc và có hoàn cảnh khó khăn năm 2014-2015 cũng lên tới 7,2 tỷ VND (Vũ Trọng Nghĩa & Nguyễn Hoàng Hà, 2015) cho 2.498 sinh viên và con số này còn tăng mạnh với mức học phí mới. Đây là khoản chi không hề nhỏ với trường.

2.4. Vấn đề về đầu tư mua sắm

Với cơ chế tự chủ, các trường chủ động cân đối nguồn thu và huy động các nguồn hợp pháp khác; quyết định các dự án đầu tư, mua sắm, sửa chữa để phát triển tổng thể cơ sở vật chất của Trường theo mô hình trường đại học định hướng nghiên cứu theo các chuẩn mực khu vực và quốc tế. Bên cạnh đó các trường được quyết định việc sử dụng tài sản, cơ sở vật chất và giá trị thương hiệu của Trường để liên doanh, liên kết thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ, tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với lĩnh vực chuyên môn (Thủ tướng Chính phủ, 2015).

Khoản chi đầu tư mua sắm này với mức chi khiêm tốn hiện nay chỉ để duy trì cơ sở vật chất tối thiểu của trường cũng đã lên tới gần 10% chi thường xuyên của trường, tức khoảng 30 tỷ VND một năm, chưa kể đến các phương án cải thiện cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu người học và để nâng cao chất lượng dạy và học.

3. Vấn đề lý luận và thực tiễn của chính sách tài chính cho đại học tự chủ hiện nay

3.1. Xu hướng tăng học phí

Chính sách này phù hợp với quy luật tất yếu của giáo dục đại học hiện nay khi mà lượng sinh viên tăng lên không ngừng. Trên phạm vi toàn cầu, nếu như tổng số sinh viên tất cả các nước là 13 triệu vào năm 1960, thì năm 1995, con số đó là 82 triệu, và năm 2011 là 200 triệu (Đàm Quang Minh & Phạm Thị Ly, 2014). Tại Việt Nam, số lượng sinh viên đã tăng từ 0,13 triệu năm 1987 lên đến 2,18 triệu vào năm 2013, tức tăng 16,7 lần và trở thành quốc gia thuộc nhóm các nước có tốc độ tăng nhanh nhất thế giới về quy mô giáo dục đại học.

Trong bối cảnh cầu tăng đột biến thì cung không thể đáp ứng nếu chỉ dựa vào nguồn ngân sách của nhà nước. Hầu hết các quốc gia đã có sự dịch chuyển về gánh nặng chi phí: chuyển một phần sang cho sinh viên và phụ huynh kể cả ở các nước phát triển có nguồn ngân sách dồi dào và có truyền thống bao cấp đối với giáo dục đại học. Cách thức chia sẻ chi phí là khác nhau ở các quốc gia, ở các trường đại học nhưng về cơ bản là thông qua chính sách học

phí và bên cạnh đó là việc cắt giảm trợ cấp ăn, ở của sinh viên, cho phép thu phí cho một số dịch vụ hành chính trong trường đại học như: phí tuyển sinh, phí in bằng điểm... (Phạm Hùng Hiệp & Trần Ngọc Anh, 2014).

Ở Mỹ, học phí đã tăng gấp năm lần trong vòng 30 năm qua (Đàm Quang Minh & Phạm Thị Ly, 2014). Trường công có mức tăng nhanh hơn trường tư phi lợi nhuận (27% mỗi năm so với 14%). Nhiều nước châu Âu như Anh, Đức, Pháp trước đây gần như miễn phí hoặc có mức học phí rất thấp ở các trường đại học công lập, nay có mức tăng rất đáng kể: năm 2010, Anh cho phép tăng học phí gấp ba lần. Từ năm 2005, Đức cho phép các trường tự quyết định mức học phí. Từ năm 1997, Trung Quốc không còn miễn phí giáo dục đại học như trước. Nga, Ấn Độ và Uganda thực hiện chế độ song đôi: miễn phí cho sinh viên giỏi bằng nguồn ngân sách, và thu học phí của những người có thành tích thấp hơn và có khả năng chi trả (Phạm Thị Ly, 2014).

3.2. Mức học phí ở Việt Nam hiện nay mới chỉ đáp ứng chi thường xuyên tối thiểu.

Ở Việt Nam hiện nay, theo ước tính từ báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như qua khảo sát thực tế, chi phí đào tạo bình quân cho một sinh viên trong một năm (chi phí đơn vị), tính cả khấu hao cho cơ sở vật chất, khoảng 12- 15 triệu VND/năm (Thanh Hùng, 2014). Tuy nhiên, các chuyên gia tính toán rằng mức chi phí đơn vị này là quá thấp, chỉ đáp ứng đủ chi phí thường xuyên tối thiểu. Theo ước tính chung, đối với những nước phát triển, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người cao thì học phí dựa trên chi phí đơn vị tối thiểu là 50% GDP bình quân đầu người. Với các quốc gia đang phát triển có thu nhập tương tự như Việt Nam, chi phí đơn vị hợp lý để duy trì chất lượng cạnh tranh với thế giới rơi vào khoảng 120%-150% GDP đầu người (Hayden & Đào Văn Khánh, 2012), tức khoảng 52-65 triệu VND/năm. Trong khi đó, mức thu học phí được phép của Đại học Kinh tế Quốc dân năm học 2015-2016 chỉ là 11,5 triệu VND, thấp hơn so với mức chi đào tạo bình quân theo ước tính của Bộ, đó mới chỉ đủ cho các khoản chi tối thiểu để duy trì hoạt động chứ chưa thể là mức chi phí để duy trì chất lượng cạnh tranh với khu vực hay thế giới.

3.3. Tính đầu tư của giáo dục đại học

Chi phí cho giáo dục đại học được coi là một khoản đầu tư cho tương lai và người mua dịch vụ sẽ phải trả tiền cho khoản đầu tư của mình bởi giá trị kinh tế ngày càng tăng của việc tiếp tục học sau

trung học, được minh chứng bằng sự chênh lệch mỗi ngày một lớn trong thu nhập bình quân của những người tốt nghiệp đại học so với người không có bằng đại học (Hauptman, 2006). Thực ra, chi cho giáo dục là chi phí đầu tư của cả cá nhân và xã hội. Với người học, đó là “đầu tư cho kiến thức”, hình thành “vốn con người”, một nguồn vốn đặc biệt, không tách rời khỏi cá nhân, để tăng sức sản xuất của cá nhân. Những chi phí ban đầu cho việc học sẽ giúp các cá nhân có một cơ hội công việc tốt trong tương lai với mức thu nhập cao, thu nhập này sẽ bù đắp lại cho những chi phí đã bỏ ra trước đó. Đầu tư (cho giáo dục) ban đầu càng lớn thì cơ hội thu nhập cao trong tương lai càng nhiều.

Đó cũng là khoản đầu tư cho xã hội bởi ở một khía cạnh nào đó, việc đầu tư cho giáo dục, tức đầu tư cho con người, là một loại đầu tư hạ tầng quan trọng - hạ tầng con người- nên cũng cần được Chính phủ đầu tư như các loại đầu tư hạ tầng khác. Vai trò của học tập ở bậc đại học không chỉ là để tiếp thu và tạo ra tri thức, trau dồi kỹ năng mà còn giúp người học thay đổi thái độ với xu hướng tích cực hơn. Người học, ngoài kỹ năng chuyên môn, còn được trang bị những giá trị chung về đạo đức cá nhân, gia đình và xã hội và thực hành quyền hạn, trách nhiệm của họ trong xã hội. Như vậy, giáo dục mang lại lợi ích không chỉ cho bản thân người đó mà còn tác động tích cực tới xã hội. Một nền giáo dục tốt sẽ bớt đi những “hành vi lệch chuẩn” và giúp giảm những tiêu cực xã hội (giảm chi phí xã hội). Bên cạnh đó, nếu được giáo dục và đào tạo tốt, người lao động sẽ có năng suất làm việc cao hơn, tạo ra nhiều giá trị cho xã hội hơn; năng lực tổ chức, điều hành tốt hơn khiến nền kinh tế vận hành hiệu quả hơn, xã hội văn minh hơn và môi trường đầu tư tốt hơn. Như vậy, khác với nhiều hàng hóa khác chỉ mang lại lợi ích cho chính người mua và sử dụng chúng, giáo dục đại học còn mang lại nhiều lợi ích cho xã hội nên Chính phủ cũng cần quan tâm tới khoản “đầu tư” này thông qua các biện pháp trợ cấp trực tiếp hoặc miễn giảm thuế, miễn giảm học phí chứ không nên “tính đúng, tính đủ” toàn bộ chi phí cho sinh viên.

3.4. Vấn đề xã hội của chính sách học phí

Trước khi cơ chế tự chủ đại học được áp dụng đã có ý kiến cho rằng bất công bằng trong giáo dục đại học đã khá nghiêm trọng khi con em các gia đình nhóm giàu nhất (nhóm 5) được hưởng thụ giáo dục đại học nhiều gấp 20 lần nhóm nghèo nhất (nhóm 1). Hay nói cách khác, bất công bằng trong giáo dục đại học hơn gấp 2 lần mức phân hóa giàu nghèo (Phạm Phú, 2005a). Nhận định đó hoàn toàn có cơ

sở bởi các trường đại học thường tọa lạc ở các thành phố lớn với chi phí đất đắt. Để theo học đại học, học sinh của vùng nông thôn cần bỏ ra một khoản sinh hoạt phí không nhỏ cho việc ở, ăn và đi lại trong sự so sánh với sinh viên thành phố. Nay thêm gánh nặng học phí thì con đường vào trường đại học của học sinh nghèo càng hẹp lại trong khi đây chính là đối tượng cần có cơ hội thay đổi cuộc sống.

Mặt khác, học phí thường không được trả bởi người học mà bởi cha mẹ họ. Bởi vậy, nếu cha mẹ các em không có khả năng tài chính hay ý thức về việc học không cao hoặc đã mất thì các em sẽ không được hưởng nền giáo dục cần thiết xây dựng tương lai của các em và của cả xã hội nên việc cung ứng dịch vụ giáo dục đại học không nên hoàn toàn theo cơ chế thuận mua vừa bán của thị trường.

3.5. Tự chủ tài chính không đồng nghĩa với việc Chính phủ cắt mọi nguồn chi cho giáo dục đại học

Tự chủ tài chính không đồng nghĩa với việc nhà trường và người học tự lo mà không có bàn tay hay sự hỗ trợ của Nhà nước. Tự chủ tài chính nên được hiểu là một cơ chế mới với cách tiêu tiền mới từ ngân sách. Trong ba kênh hỗ trợ chính của Nhà nước, khi kênh thứ nhất (hỗ trợ trực tiếp cho các trường) không còn thì nguồn lực đó nên được chuyển sang 2 kênh còn lại (học bổng, tín dụng sinh viên và tài trợ nghiên cứu khoa học). Hơn nữa, mức thu học phí hiện nay của các trường tự chủ về cơ bản mới chỉ đủ bù đắp các chi phí thường xuyên tối thiểu nên Nhà nước cần hỗ trợ cho các trường các khoản đầu tư không cho nguồn thu trực tiếp như nghiên cứu khoa học hay cơ sở vật chất.

Thực tế trên thế giới, các quốc gia vẫn duy trì một mức đầu tư không hề nhỏ cho giáo dục đại học (Bảng 2 và 3).

Hình thức hỗ trợ này vừa có tác dụng giảm bất công bằng trong giáo dục đại học, vừa đảm bảo duy trì đào tạo các ngành có lợi ích lâu dài cho xã hội.

4. Một số phương án hoàn thiện cơ chế tài chính cho đại học tự chủ

Chính sách tài chính cho giáo dục đại học hiện nay thường hướng tới trả lời ba câu hỏi: (i) Tổng nguồn tài chính cho giáo dục đại học đã tương đối đủ mức cần thiết tối thiểu hay chưa? (ii) Tỷ lệ hay cơ cấu giữa các nguồn: nhà nước - gia đình - xã hội (cá nhân, doanh nghiệp) như thế nào? và (iii) phương thức thực thi cách cung cấp của mỗi nguồn? (Phạm Phú, 2005b).

Như phân tích ở trên, tài chính cho giáo dục đại học mới chỉ đáp ứng mức chi thường xuyên tối thiểu

Bảng 2: Chi phí đơn vị, tỷ lệ đóng góp giữa học phí và đầu tư nhà nước cho sinh viên bản địa tại Australia năm học 2014-2015

Đơn vị: Đô la Úc (AUD)

Nhóm ngành	Học phí	Trợ cấp nhà nước	Tỷ lệ trợ cấp nhà nước/học phí	Chi phí đơn vị (trợ cấp nhà nước + học phí)
Luật, kế toán, quản trị, kinh tế, thương mại	10266	1961	0.19	12227
Nhân văn	6152	5447	0.89	11599
Toán, thống kê, máy tính, môi trường và các ngành về sức khỏe	8768	9637	1.10	18405
Khoa học hành vi, khoa học xã hội	6152	9637	1.57	15789
Giáo dục	6152	10026	1.63	16178
Tâm lý lâm sàng, ngoại ngữ, nghệ thuật hình ảnh và trình diễn	6152	11852	1.93	18004
Khoa học về sức khỏe	8768	11852	1.35	20620
Điều dưỡng	6152	13232	2.15	19384
Khoa học, kỹ thuật và đo đạc	8768	16850	1.92	25618
Nha, dược và thú y	10266	21385	2.08	31651
Nông nghiệp	8768	21385	2.44	30153

Nguồn: Ngô Bảo Châu & cộng sự (2015)

nên các hoạt động như nghiên cứu khoa học hay đầu tư cơ sở vật chất vẫn cần sự tài trợ của nhà nước. Trong cơ cấu tài chính giữa các nguồn thì dường như đang nặng gánh cho các gia đình còn nguồn lực từ xã hội chưa có biện pháp huy động phù hợp. Phương thức thực thi các cung cấp của mỗi nguồn cũng còn nhiều bất cập.

Vấn đề quan trọng là cần nhìn nhận các vấn đề tài chính một cách tổng thể để đảm bảo cả công bằng, hiệu quả và chất lượng trong giáo dục đại học. Việc cắt khúc vắn đề như chỉ quan tâm tới tăng học phí hay giao khoán tài chính cho các trường tự lo có thể sẽ để lại những hậu quả xấu bởi giáo dục đại học là hàng hóa đặc thù mang trong nó ý nghĩa xã hội lớn, chúng lại có tính ngoại ứng, mang lại nhiều lợi ích cho xã hội đồng thời với việc mang lại lợi ích cho các cá nhân. Trong bối cảnh đó, nhà nước cần hoàn thiện các chính sách tài chính cho giáo dục đại học nói chung và cho các trường tự chủ nói riêng để các chính sách tự chủ về tài chính thực sự phát huy được hiệu quả, tránh được các tác động không mong muốn.

4.1. Phát triển tín dụng sinh viên

Học phí là cách huy động nguồn lực của xã hội cho giáo dục đại học một cách hiệu quả, buộc các cá

nhân cùng chi trả cho khoản đầu tư cho tương lai của chính họ. Học phí cũng giúp khắc phục tình trạng trợ cấp ngược bởi bao cấp của Nhà nước qua học phí sẽ chủ yếu rơi vào sinh viên thành phố vốn ít bị các rào cản sinh hoạt phí khi tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học. Tuy nhiên, học phí sẽ là một cản trở lớn đối với sinh viên nghèo khi muốn tiếp cận dịch vụ giáo dục đại học. Để chính sách học phí thực sự phát huy tính hiệu quả của nó và tránh được hậu quả bất công bằng thì nhà nước nên triển khai, phát huy chính sách tín dụng sinh viên.

Thứ nhất, hoàn thiện chương trình tín dụng 157 hiện nay, trong đó:

Quy định nhiều định mức cho vay tương ứng với từng loại sinh viên thay vì một định mức chung như hiện nay; trong đó có thể cho vay đủ để trang trải cả tiền học phí và sinh hoạt phí;

Căn cứ định mức cho vay dựa trên đánh giá năng lực tài chính của sinh viên và kết quả học tập (Ngô Bảo Châu & cộng sự, 2015);

Có thể áp dụng hình thức trả nợ theo mô hình tín dụng tùy theo thu nhập (income contingent loan): chỉ bắt đầu trả nợ khi sinh viên tốt nghiệp đi làm có mức lương trên ngưỡng tối thiểu; mức trả nợ tỷ lệ

Bảng 3: Mức độ hỗ trợ của nhà nước trong nguồn thu của một số đại học công lập Hoa Kỳ

Đại học công lập	Tỷ lệ hỗ trợ của ngân sách của nhà nước	
	1987	2012
University of Illinois at Chicago, Chicago, IL	52.8%	16.9%
University of California at Davis, Davis, CA	63.4%	30.2%
University of California at Riverside, Riverside, CA	66.6%	33.9%
Georgia State University Atlanta, GA	67.0%	35.2%
University of South Carolina at Columbia, Columbia, SC	52.2%	21.6%
University of California at Santa Barbara, Santa Barbara, CA	54.1%	23.4%
University of California at Santa Cruz, Santa Cruz, CA	58.9%	28.7%
University of Houston main campus, Houston, TX	55.8%	27.5%
University of South Florida, Tampa, FL	69.0%	40.8%
Wayne State University Detroit, MI	54.1%	26.7%
Michigan State University, East Lansing, MI	45.0%	17.8%
Rutgers University at New Brunswick, New Brunswick, NJ	59.6%	32.6%
University of California at Berkeley, Berkeley, CA	49.4%	22.6%
University of Massachusetts at Amherst, Amherst, MA	61.8%	35.1%
University of Oregon, Eugene, OR	35.8%	9.3%
Arizona State University at Tempe, Tempe, AZ	50.2%	23.7%
University of Florida, Gainesville, FL	56.0%	29.9%
University of Illinois at Urbana-Champaign, Champaign, IL	42.3%	16.4%
University of California at Los Angeles, Los Angeles, CA	47.8%	22.2%
Montana State University at Bozeman, Bozeman, MT	51.4%	25.8%

Nguồn: Ngô Bảo Châu & cộng sự (2015)

với thu nhập hàng tháng;

Nhà nước thành lập quỹ dự phòng hỗ trợ các bên cho vay trong trường hợp có những rủi ro trong thu hồi vốn.

Thứ hai, nguồn tín dụng cho sinh viên có thể đến từ các doanh nghiệp. Nhưng để tạo thuận lợi, thể chế hóa việc này, Nhà nước nên tạo cơ chế cho hợp đồng vốn nhân lực: Nhà nước tạo hành lang pháp lý cho cơ chế hợp đồng vốn nhân lực, một cách thức cho tín dụng sinh viên nhưng bên cho vay là khu vực tư nhân và việc trả nợ sẽ được thực hiện theo hình thức trừ thẳng vào lương của người vay sau khi tốt nghiệp và đi làm cho bên cho vay hoặc trả nợ thông thường như các cách thức vay vốn khác

4.2. Miễn thuế đối với phần doanh thu tài trợ cho trường

Trong ba nguồn tài trợ cơ bản cho giáo dục đại

học: (1) ngân sách Nhà nước, (2) đóng góp của sinh viên và gia đình, (3) đóng góp của cộng đồng thì nguồn thứ ba đang ngày càng đóng vai trò quan trọng. Các khoản này có thể trực tiếp bằng tiền tới các quỹ hiến tặng nhưng cũng thường đến dưới hình thức mở rộng quỹ học bổng, xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất, trang bị mới các thiết bị hiện đại, cung cấp tài chính thường trực cho các vị trí cán bộ khoa học chủ chốt. Từ năm 1995, nguồn thu từ cộng đồng (các doanh nghiệp) của các trường đại học ở Mỹ đã lên tới 30-40% tổng tài chính của trường, tức gấp đôi so với mức thu từ học phí. Ở Trung Quốc, con số này là 17,5%, gần bằng mức thu học phí (Phạm Phụ, 2005a) trong khi con số này ở các trường đại học lớn của Việt Nam mới chỉ khoảng 3-4%. Tuy nhiên, xu hướng là các trường ngày càng nhận được sự quan tâm của xã hội. Đại học Kinh tế Quốc dân trong năm vừa qua đã huy động được 13,5

tỷ VND tài trợ của các doanh nghiệp và cá nhân cho quỹ học bổng của trường, trong đó có các doanh nghiệp đóng góp tới hàng tỷ VND.

Để hỗ trợ các trường trong việc tìm kiếm tài trợ từ cộng đồng, Chính phủ nên có các chính sách khuyến khích tài trợ của cộng đồng cho các trường ví dụ thông qua chính sách miễn thuế đối với phần doanh thu tài trợ cho trường. Những khoản tài trợ cho các trường đại học của doanh nghiệp và cựu sinh viên cần được xem là khoản chi phí trước thuế để khuyến khích các cá nhân, doanh nghiệp tài trợ, đầu tư cho các trường đại học.

4.3. Chính sách tài trợ cho nghiên cứu khoa học và đầu tư cơ sở vật chất.

Với cơ chế tự chủ, các khoản chi cho nghiên cứu khoa học chủ yếu vẫn do các trường tự trang trải. Đây là một khoản chi không nhỏ, nhưng lại rất ít khi có nguồn thu trực tiếp, đặc biệt với các trường khối kinh tế như Kinh tế Quốc dân. Tuy nhiên, hoạt động này lại vô cùng quan trọng với các trường đại học để nâng cao trình độ giáo viên, vị thế của trường trong khu vực và trên thế giới. Với mức học phí nói chung mới chỉ đủ chi thường xuyên cho các hoạt động đào tạo thì nhà nước cần nghiên cứu chính sách tài trợ cho nghiên cứu khoa học.

Nhà nước cần duy trì đầu tư hợp lý cho giáo dục đại học qua ngân sách cho nghiên cứu khoa học. Mức thu học phí như hiện nay tuy đã có tăng nhưng thực chất mới đủ bù đắp các chi phí thường xuyên cơ bản. Ngân sách cho trường vẫn cần duy trì các khoản chi cho các hoạt động không trực tiếp tạo nguồn thu như nghiên cứu khoa học.

Ưu đãi (thuế, chính sách hỗ trợ) cho các hoạt động sinh nguồn thu từ khoa học, công nghệ, chuyển giao tri thức.

Có chính sách khuyến khích, gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học: Khuyến khích thành lập các viện, trung tâm nghiên cứu, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong các trường đại học. Giao nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cho các trường đại học để thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học. Hình thành các tổ chức chuyển giao công nghệ trong các trường đại học nhằm phát triển mạnh hoạt động xúc tiến, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, hỗ trợ đăng ký và khai thác sáng chế trong các trường đại học.

Trương tự, phân tích ở trên cho thấy ước tính thấp nhất của Bộ Giáo dục cho chi thường xuyên của các trường đại học đã là 12-15 triệu VND/năm trong khi

mức thu học phí chỉ 11,5 triệu VND/năm (chưa kể ước tính của các chuyên gia thì mức chi thường xuyên còn cao hơn nhiều). Vì vậy, đầu tư cho cơ sở vật chất cần sự tài trợ từ phía ngân sách để nguồn lực tăng thêm từ học phí của các trường có thể dành đầu tư nâng cao chất lượng giảng dạy như công tác giáo trình, tăng lương cho giáo viên, tránh tình trạng giạt gấu vá vai.

4.4. Các khoản chế độ chính sách

Ngân sách nhà nước cần nghiên cứu đảm bảo chi trả các khoản liên quan đến trợ cấp chế độ chính sách cho các đối tượng: con thương binh, liệt sỹ, con hộ nghèo... đảm bảo tính ưu việt của chế độ, không đẩy gánh nặng chính sách cho các trường.

4.5. Cho phép các trường tăng học phí từng bước để đủ bù đắp chi phí và có các công cụ đảm bảo chất lượng đào tạo, hỗ trợ cho chính sách này

Khi các công cụ tài chính hỗ trợ hoạt động hiệu quả thì nhà nước có thể cho phép các trường từng bước tăng học phí để đủ bù đắp chi phí và đảm bảo có phần tích lũy, đầu tư cho tương lai, là cơ sở để chất lượng nghiên cứu khoa học từng bước vươn tới các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, để chính sách học phí cao có thể thực hiện được và phát huy tác dụng thì đi kèm với nó cần có các công cụ đảm bảo chất lượng đào tạo đại học, làm nền tảng cho hoạt động tự chủ nói chung và chính sách học phí nói riêng của các trường với bốn công cụ đảm bảo chất lượng chính như sau:

4.5.1. Kiểm định chất lượng

Nên hình thành một cơ quan kiểm định chất lượng độc lập, không trực thuộc các trường hay Bộ Giáo dục như hiện nay. Bên cạnh đó tiếp tục hoàn thiện, cải tiến hệ thống, tiêu chí kiểm định chất lượng hiện tại trên cơ sở tham khảo hoặc tham gia các hệ thống, tiêu chí kiểm định chất lượng của thế giới; áp dụng nhiều bộ tiêu chí kiểm định chất lượng khác nhau cho các bậc học khác nhau (cao đẳng, đại học, thạc sỹ, tiến sỹ) và cho các hình thức học khác nhau (chính quy, liên kết quốc tế...). Ban hành các quy định nhằm đảm bảo việc đánh giá kiểm định thực sự khách quan và công bằng.

4.5.2. Công khai thông tin chất lượng

Thông tin chất lượng bao gồm các bộ chỉ số về đào tạo và nghiên cứu khoa học như: tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng, mức thu nhập bình quân của sinh viên tốt nghiệp, mức độ hài lòng của sinh viên, tỷ lệ công bố khoa học/giảng viên... Việc này nên được thực hiện bởi một tổ chức độc lập. Họ sẽ thu thập thông tin chất lượng giáo dục đại học và công bố

hàng năm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4.5.3. Xếp hạng và đối sánh

Có cơ chế khuyến khích và có chính sách hỗ trợ để các trường đại học Việt Nam tham gia vào các

bảng xếp hạng và đối sánh quốc tế và các thành tích xếp hạng này sẽ như là một cơ sở cho việc triển khai các chính sách tài chính của nhà trường (Ngô Bảo Châu & cộng sự, 2015). □

Tài liệu tham khảo

- Đàm Quang Minh & Phạm Thị Ly (2014), 'Giáo dục đại học ngoài công lập ở Việt Nam - Những nút thắt cần tháo gỡ', *Tuổi Trẻ Cuối Tuần*, 30.2014, 4.
- Hauptman, Arthur M. (2006), 'Higher Education Finance: Trends and Issues', *International Handbook of Higher Education*, 18, 83-106.
- Hayden, M. & Đào Văn Khánh (2012), *Master plan for Vietnam's higher education system*, Report for the World Bank, 2012.
- Ngô Bảo Châu, Trần Ngọc Anh, Đỗ Quốc Anh, Vũ Thành Tự Anh, Lê Hồng Giang, Phạm Hùng Hiệp, Ngô Quang Hưng, Phạm Ngọc Thắng, Phạm Hữu Tiệp, Trịnh Hữu Tuệ, Vũ Hà Văn, Nguyễn Phương Văn (2015), 'Tổng kết nghiên cứu về phương hướng cải cách đại học ở Việt Nam', *Hội thảo Đối thoại giáo dục*, VED, Hà Nội.
- Nguyễn Minh Thuyết (2014), 'Tự chủ đại học: Thực trạng và giải pháp cho đại học Việt Nam', Tham luận trình bày tại hội thảo *Hội thảo Cải cách giáo dục đại học 2014*, Vietnam Education Dialogue và Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phạm Hùng Hiệp & Trần Ngọc Anh (2014), 'Is Cost sharing policy Supporting Or Obstructing The Development of Vietnamese Higher Education', *Workshop on educational reform Proceedings*, Vietnam Education Dialogue & Consulate General of The United States, Ho Chi Minh City.
- Phạm Phụ (2005a), *5 Câu hỏi cho chuyên "tăng học phí"*, truy cập lần cuối ngày 12 tháng 12 năm 2014 từ <<https://voer.edu.vn/c/5-cau-hoi-cho-chuyen-tang-hoc-phi-2005/4c212f92/4aed07be>>.
- Phạm Phụ (2005b), *Tăng học phí: Nhìn từ đại học mà chưa nhìn từ xã hội*, truy cập lần cuối ngày 20 tháng 1 năm 2015 từ <<http://voer.edu.vn/m/tang-hoc-phi-nhin-tu-dai-hoc-ma-chua-nhin-tu-xa-hoi/b0bba6b9>>.
- Phạm Thị Ly (2014), *Học phí tăng, chất lượng có tăng*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 9 năm 2014 từ <<http://www.thesaigontimes.vn/119911/Hoc-phi-tang-chat-luong-co-tang?.html>>.
- Thanh Hùng (2014), *Cải cách tài chính cho giáo dục đại học*, truy cập ngày 12 tháng 8 năm 2014 từ <<http://www.bao-moi.com/Cai-cach-tai-chinh-cho-giao-duc-dai-hoc/59/14014365.epi>>.
- Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 368/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017*, ban hành ngày 17 tháng 3 năm 2015.
- Vũ Trọng Nghĩa & Nguyễn Hoàng Hà (2015), 'Hoàn thiện công tác quản lý sinh viên hệ chính quy tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân theo cơ chế tự chủ', *Kỷ yếu Hội nghị cán bộ chủ chốt Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Triển khai thực hiện đề án đổi mới cơ chế hoạt động của trường Đại học kinh tế quốc dân giai đoạn 2015-2017*, Hà Nội, 148-149.

Thông tin tác giả:

***Đặng Thị Lệ Xuân**, Tiến sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kế hoạch và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế công, tài chính công, kinh tế y tế, lập-thẩm định và quản lý chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội
- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, *tạp chí Kinh tế và dự báo*, *tạp chí Công nghiệp*...
- Địa chỉ Email: lexuan122@yahoo.com.